TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 91/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/12/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.
Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày27/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khaivụ án hôn nhân gia đình thụ lý số109/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXX-ST ngày 15/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2019,giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT: thônN, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động, cư trú tại nước ngoài: Ma Cau, phố T, tòa nhà 13, tầng 15H.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị H nộp đơn khởi kiện, các chi phí tố tụng, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Dương Ngọc T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:**Anh Dương Văn H1, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi và anh Dương Văn H1 chung sống với nhau trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện, tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn ngày 25/7/2005 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được. Trong thời gian sinh sống vợ chồng không có tình cảm, không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh H1 không chăm lo làm ăn vun đắp hạnh phúc gia đình và nghiện ma túy nặng. Tôi và gia đình đã khuyên ngăn, động viên nhiều lần nhưng không được. Năm 2010 tôi đi xuất khẩu lao động, anh H1 ở nhà không thay đổi vẫn nghiện ma túy, năm 2011 anh H1 bị bắt và xử phạt 02 năm 10 tháng tù về tội tàng trữ chất ma túy. Sau khi anh H1 ra tù tôi có gửi tiền về để làm nhà với hy vọng anh sẽ thay đổi. Tuy nhiên anh H1 không tu chí làm ăn còn chơi lại ma túy. Các năm 2015 đến 2017 tôi về thăm gia đình anh H1 đều vòi vĩnh tiền, tôi không cho thì anh tỏ thái độ hung dữ, đe dọa. Nay xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương Văn H1.

- Về con chung : Vợ chồng có có 01con chung là cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 21/7/2006, hiện nay cháu đang ở cùng với ông bà nội.Do anh H1 không đủ tư cách, kinh tế để nuôi connên sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Tôi không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một ngôi nhà 2 tầng, tôi không lấy tài sản, phần tài sản tôi xin nhường lại cho cháu Dương Thị Thanh H2 khi cháu có đủ thẩm quyền để thừa hưởng. Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung trong vụ án này.

- Do điều kiện làm việc ở xa nên tôi ủy quyền cho anh Dương Ngọc T thay mặt nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ , các chi phí tố tụng và nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Tôi xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án. Tôi xin giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

* Bị đơn là anh Dương Văn H1, đăng ký hộ khẩu thường trútại thôn N, xã Y, huyện L nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương, nhưng không biết anh H1 đi đâu, làm gì, đang cư trú ở đâu. Tòa án đã giao văn bản tố tụng cho người thân của anh H1 và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn H1 theo quy định của pháp luật. Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân (mẹ đẻ) của anh Dương Văn H1 là bà Dương Thị N, sinh năm 1962, địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 01/10/2019 và ngày 29/10/2019 bà Dương Thị N có quan điểm trình bày: Anh Dương Văn H1 là con trai bà, anh H1 hiện đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Hiện địa chỉ anh H1 ở đâu thì gia đình không cung cấp được cho Tòa án, gia đình từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu anh H1 gửi bản tự khai về cho Tòa

án. Gia đình đã thông báo cho anh H1 biết việc thụ lý vụ án của Tòa án. Anh H1 có trao đổi quan điểm với gia đình là chị H muốn ly hôn thì ly hôn. Ngoài ra anh H1 không trao đổi gì thêm.

- Về con chung của anh chị, bà N cung cấp: Anh H1 và chị H có 01 con chung là cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 21/7/2006. Hiện nay con chung đang ở với chúng tôi. Chị H nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng thì chúng tôi không có ý kiến gì vì chúng tôi cũng đã già không đủ điều kiện nuôi cháu. Chị H vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi cháu H2.

- Về tài sản chung và công nợ chung của anh chị, bà N cung cấp: Con tôi và chị H không có tài sản chung và công nợ chung.

*Tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu Dương Thị Thanh H2 cho biết: Cháu là con của bố Dương Văn H1 và mẹ Dương Thị H, hiện cháu đang ở với ông bà nội, mẹ cháu đi nước ngoài, bố đi vắng suốt không có nhà. Cháu không muốn bố, mẹ ly hôn nhưng nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là Dương Thị H vì quan tâm, thương yêu và chu cấp toàn bộ cuộc sống cho cháu.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thì UBND xã Y, huyện L có quan điểm cung cấp: Tại UBND xã Y chỉ còn lưu trữ được sổ sách ghi chép việc đăng ký kết hôn từ năm 2007 đến nay. Căn cứ tài liệu sổ sách lưu trữ được thì không thể hiện việc chị Dương Thị H đăng ký kết hôn với anh Dương Văn H1. Tại "Đơn đề nghị"của chị Dương Thị H về xác nhận đăng ký kết hôn ngày 25/7/2005 thì UBND xã chỉ ký mà không xác nhận cụ thể. Do không có sổ sách lưu trữ nên không có căn cứ cung cấp, chứng minh, khẳng định việc chị Dương Thị H, anh Dương Văn H1 đã tổ chức đăng ký kết hôn năm 2005. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa chị Dương Thị H xin vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung. Anh Dương Văn H1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do không có tài liệu chứng minh Chị H, anh H có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53; Điều 81, Điều 82; Điều 83-

Luật hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận chị Dương Thị H và anh Dương Văn H1 là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 21/7/2006cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị H là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Ma Cao (Trung Quốc) có đơn xin ly hôn anh Dương Văn H1 và đề nghị giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh Dương Văn H1 là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đơn xin ly hôn, Giấy ủy quyền của chị Dương Thị H có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Kông.

Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị H đang cư trú tại nước ngoài, xin vắng mặt tại phiên tòa nên sự vắng mặt của chị H là có lý do. Anh Dương Văn H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên qua tài liệu Tòa án xác minh bà Dương Thị N (mẹ đẻ anh H1) cung cấp thì anh H1 đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với người thân trong gia đình. Gia đình không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án và không thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo cho anh H1 gửi bản tự khai về Tòa án. Việc Tòa án thụ lý vụ án gia đình đã thông báo cho anh H1 biết và anh có trao đổi với gia đình là chị H muốn ly hôn thì ly hôn. Việc vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án của anh Dương Văn H1 được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Dương Văn H1 theo quy định tại khoản 5, Điều 177 và Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Dương Thị H, anh Dương Văn H1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Dương Thị H khai chị và anh Dương Văn H1 có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2005 tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng bị thất lạc mất giấy chứng nhận kết hôn. Tòa án đã xác minh tại UBND xã Y thì UBND xã cung cấp chỉ còn lưu trữ được sổ sách đăng ký kết hôn từ năm 2007 đến nay. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh chị Dương Thị H và anh Dương Văn H1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Nay cuộc sống chung có nảy sinh mâu thuẫn chị H xin ly hôn với anh H1. Thông qua người thân (là mẹ đẻ) anh H1 có quan điểm đồng ý ly hôn với chị H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy:Tình trạng mâu thuẫn giữa chị Dương Thị H và anh Dương Văn H1 đã kéo dài, được xác địnhlà trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do không có căn cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn giữa chị H và anh H1 nên căn cứ quy định tại Điều 9; Điều 14; khoản 2, Điều 53 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Dương Văn H1.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Dương Thị H, anh Dương Văn H có một con chung là cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 21/7/2006. Ly hôn chị Dương Thị H nhận nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu anh H1 phải đóng góp.

[4.2]. HĐXX thấy: Hiện nay con chung đang ở với gia đình bố, mẹ đẻ của anh H1 nhưng bố mẹ anh H1 cũng đã già không có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu.Chị H lao động ở nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc, gửi tiền nuôi con chung. Anh H1 đi làm ăn xa không có địa chỉ cụ thể, không đảm bảo trong việc nuôi con chung.Việc chị H xin nuôi con chung gia đình anh H1 cũng đồng ý và không có ý kiến gì.Theo nguyện vọng của cháu Dương Thị Thanh H2 thì cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố, mẹ ly hôn.

Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Dương Thị H được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 21/7/2006. Anh Dương Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Dương Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Dương Văn H về địa phương, có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: chị Dương Thị H không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX căn cứ Điều 16- Luật Hôn nhân và gia đình không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau này nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 1, Điều 51; khoản 2, Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 177; Điều 179; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Dương Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 21/7/2006 cho chị Dương Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Dương Thị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Dương Văn H1 về địa phương, có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000613 ngày 30/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Dương Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Dương Văn H1 cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Y, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng